

Bản án số: 157/2021/HNGĐ-ST

Ngày : 16/12/2021

V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết Trinh.

2. Ông Đỗ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXX-ST ngày 11/11/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 114/2021/QĐ-ST ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Thân Văn Tr, sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Xóm Tự, thôn 11, xã Hương L, huyện Lạng G, tỉnh B.

***Bị đơn:** Bà Đào Thị L, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Xóm Tự, thôn 11, xã Hương L, huyện Lạng G, tỉnh B. (Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của bà Đào Thị L tại Việt Nam là Xóm Tự, thôn 11, xã Hương L, huyện Lạng G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 04/8/2021, nguyên

đơn là ông Thân Văn Tr trình bày:

Ông và bà Đào Thị L xây dựng gia đình với nhau từ ngày 16/4/1986 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương L, huyện Lạng G, tỉnh B. Kết hôn xong vợ chồng về chung sống với nhau, nay đã có 3 con chung. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng không hợp nhau nhiều lần đánh cãi chửi nhau và năm 2017 bà L lại đi lao động Đài Loan và từ đó đến nay và cũng không liên lạc gì cho ông, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đào Thị L.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 03 con chung là cháu Thân Thị Lê D, sinh năm 1987, Thân Thị Kim Ng, sinh năm 1990 và Thân Văn Th, sinh năm 1992. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, ly hôn ông không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra ông Tr còn trình bày: Hiện nay bà L vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của bà L ở nước ngoài ông không cung cấp được cho Tòa án được vì ông không liên lạc được với bà L, bà L vẫn liên lạc về cho con gái là chị Thân Thị Kim Ng; trú tại: Xóm Tụ, thôn 11, xã Hương L, huyện Lạng G, tỉnh B, nhưng chị Ng cũng không cung cấp địa chỉ cho ông biết nên ông không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên ông không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa ông và bà L được, nên ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa ông và bà L.

Bị đơn bà Đào Thị L không có bản tự khai.

Ngày 08/10/2021 và ngày 18/10/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với chị Thân Thị Kim Ng là con đẻ của bà Đào Thị L; trú tại: Xóm Tụ, thôn 11, xã Hương L, huyện Lạng G, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu chị Ng thông báo cho bà L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa ông Thân Văn Tr và bà Đào Thị L; yêu cầu bà L viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu chị Ng cung cấp địa chỉ cụ thể của bà L ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc chị Ng vẫn giữ nguyên quan điểm là bà L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng chị không cung cấp địa chỉ cụ thể của bà L ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của mẹ chị, đồng thời chị cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án

thông báo cho bà L biết để bà L gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của bà L gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thân Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Đào Thị L vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Tr; Biên bản làm việc với chị Thân Thị Kim Ng là con gái bà Đào Thị L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn ông Thân Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Đào Thị L không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bà L; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt bà Đào Thị L là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 35/2000/QH-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS. Khoản 1, 3 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thân Văn Tr được ly hôn bà Đào Thị L Ông Thân Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Ông Thân Văn Tr là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Thân Văn Tr.

Đối với bị đơn bà Đào Thị L vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với chị Thân Thị Kim Ng là con gái bà Đào Thị L để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị Nghông báo cho bà L biết về việc Tòa án nhân

dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa ông Thân Văn Tr và bà Đào Thị L; Yêu cầu bà L viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu chị Ngcung cấp địa chỉ cụ thể của bà L ở nước ngoài. Chị Thân Thị Kim Ng trình bày: Bà L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà chị Ng vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của bà L cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bà L biết. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Đào Thị L theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Ông Thân Văn Tr là nguyên đơn có đơn xin bà Đào Thị L, bà L hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 25686/QLXNC-P5 ngày 27/10/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì bà L đã xuất nhập cảnh 13 lần, xuất cảnh gần nhất là ngày 28/12/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của bà L ở Việt Nam là: Xóm Tự, thôn 11, xã Hương L, huyện Lạng G, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Ông Thân Văn Tr và bà Đào Thị L kết hôn năm 1986 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương L, huyện Lạng G, tỉnh B. Ông Tr không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, nhưng Ủy ban nhân dân xã Hương L, huyện Lạng G xác nhận, tình trạng hôn nhân của ông Tr: Hiện đang có vợ là bà Đào Thị L, sinh ngày 10/02/1970. Theo hướng dẫn của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 về thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định “*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000*”. Như vậy, trong trường hợp này ông Tr không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nhưng ông chung sống với bà L từ năm 1986 đến nay đã có 03 người con chung, Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân thực tế.

Theo ông Tr trình bày: Kết hôn xong vợ chồng về chung sống với nhau, nay đã có 3 con chung. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng không hợp nhau nhiều lần đánh cãi chửi nhau và năm 2017 bà L lại đi lao động Đài Loan và từ đó đến nay và cũng không liên lạc gì cho ông, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đào Thị L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Thân Văn Tr. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn ông Tr và bà L chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2017 thì bà L đi xuất khẩu lao động từ đó đến nay chưa về nước, bà L đã không liên lạc gì về cho ông, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Tr và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr. Xử cho ông Thân Văn Tr được ly hôn với bà Đào Thị L

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng ông bà có 03 con chung là Thân Thị Lê D, sinh năm 1987; Thân Thị Kim Ng, sinh năm 1990 và Thân Văn Th, sinh năm 1992. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Thân Văn Tr phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Thân Văn Tr được ly hôn với bà Đào Thị L.

2. Về án phí: Ông Thân Văn Tr phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000114 ngày 04/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận ông Thân Văn Tr đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Thân Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Bà Đào Thị L hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Hương L, Lạng Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Đỗ Văn Long Phạm Thị Tuyết Trinh

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

